TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/DS –ST.
Ngày: 08-3-2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

Bà **Trần Thu Hồng.**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-DS ngày 31/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-DS ngày 21/02/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Võ Thị Hồng N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Trần Thị Thu T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Trần Minh H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Võ Thị Hồng N có chị Trần Thị Kim P trình bày*:**

Bà T và ông H là vợ chồng. Bà N và bà T có quen biết nhau. Bà T làm đầu thảo hụi, bà N là hụi viên, có tham gia hụi do bà T là chủ hụi như sau:

- Loại hụi 3.000.000đồng/phần, vào ngày 15/9/2021 (âm lịch), có 25 phần, 01 tháng khui 01 lần, bà Nga tham gia 01 phần, bà N đã đóng được 23 kỳ hụi sống/phần với số tiền là 69.000.000đồng.

- Loại hụi ngày 2.000.000đồng/phần, vào ngày 10/12/2022 (âm lịch), có 24 phần, 01 ngày khui 01 lần, bà N tham gia 01 phần, bà Nga đã đóng cho bà T được 08 kỳ hụi sống/phần với số tiền là 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Loại hụi 1.000.000đ/phần, mở ngày 20/01/2023 (âm lịch), có 40 phần, bà N tham gia 05 phần, bà N đã đóng cho bà Thảo 01 lần với số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Sau đó đến ngày 25/4/2023 âm lịch bà T có trả lại cho bà N số tiền hụi ngày 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) phần hụi này bà T còn nợ lại 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Như vậy hiện nay bà T còn nợ bà N tổng cộng 96.700.000 đồng (Chín mươi sáu triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Bà T và ông H là vợ chồng cùng ở chung nhà với nhau, bà T tổ chúc nhiều dây hụi, ông H cũng là hụi viên trong từng dây hụi, ông H biết việc bà T tổ chức chơi hụi, bà T và ông H tổ chức hụi có thu tiền hoa hồng từng dây hụi để phát triển kinh tế gia đình. Bà T và ông H dùng tiền hoa hồng cũng như tiền lời chơi hụi để mua nhiều đất đai, hiện nay bà T đã tuyên bố bể hụi, bà N nhiều lần đến đòi nhưng bà Th chỉ hứa không trả.

+ Ngày 27/12/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Bà N xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các dây hụi mở ngày 15/9/2021 âm lịch, ngày 10/12/2022 âm lịch, ngày 20/01/2023 âm lịch lý do để bà Nga tự thỏa thuận với bà T, ông H các dây hụi này. Bà N chỉ yêu cầu bà T và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 01/12/2022 với số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H đã được tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T, ông H không đến cũng không có ý kiến trình bày.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:** Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chị P có đơn xin vắng mặt, riêng bị đơn bà T, ông H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Phượng, bà Thảo, ông Hồng. Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16; Điều 17 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng N. Buộc bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N tổng số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nga về việc yêu cầu bà T, ông H trả số tiền 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) của dây hụi ngày 15/9/2021 (âm lịch), số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng) của dây hụi ngày 10/12/2022 (âm lịch), số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) của dây hụi ngày 20/01/2023 (âm lịch).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Đai diện theo ủy quyền nguyên đơn chị P có đơn xin vắng mặt xét xử, Bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị P, bà T, ông H.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu: Bà T và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 01/12/2022 âm lịch với số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Bà Nga cung cấp tài liệu, chứng cứ là: "Giấy xác nhận nợ", có chữ ký tên: "Quyên" có nội dung: "ngày 01-12-2022 đóng đủ 40 phần 36.000.000", có chữ ký tên: "Q". Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Theo Biên bản xác minh ngày 22/01/2024 của Tòa án (Bút lục 20) thể hiện: "Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1977 và ông Trần Minh H, sinh năm 1973 là vợ chồng cùng chung sống tại nhà của hai vợ chồng tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T. Bà T tên thường gọi là Q, ông H tên thường gọi là Chín T. Ông H và bà T hiện đang sinh sống tại địa phương". Từ đó cho thấy việc bà Thảo có tham gia chơi hụi như bà Nga trình bày là đúng. Bà T và ông H là vợ chồng cùng chung sống, sử dụng tiền chơi hụi vào việc phục vụ các nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà T và ông H cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) là phù hợp quy định pháp luật. Bà T, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều

lần nhưng không đến, xem như bà T, ông H đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ hụi là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4].Ghi nhận việc bà N không yêu cầu bà T, ông H phải trả cho bà N số tiền lãi của số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

[5]. Do bà Võ Thị Hồng N có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà N số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 15/9/2021 (âm lịch), ngày 10/12/2022 (âm lịch), ngày 20/01/2023 (âm lịch). Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Nga, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H có nghĩa vụ cùng liên đới trả lại cho bà N số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 15/9/2021 (âm lịch) với số tiền 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng), dây hụi ngày 10/12/2022 (âm lịch) với số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng), dây hụi ngày 20/01/2023 (âm lịch) với số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

[6]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N nên bà T, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 273, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng N.

-Buộc bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Hồng N số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N cho đến khi thi hành án xong, bà T và ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng N về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 15/9/2021 (âm lịch) với số tiền 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng), dây hụi ngày 10/12/2022 (âm lịch) với số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng), dây hụi ngày 20/01/2023 (âm lịch) với số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

***Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H phải chịu số tiền là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà Võ Thị Hồng N số tiền là 2.417.500 đồng (Hai triệu bốn trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0012634 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

Về quyền kháng cáo: Chị P vắng mặt, bà T vắng mặt, ông H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Gò Công Tây;
-Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh